



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN TUẦN 2 - THÁNG 9

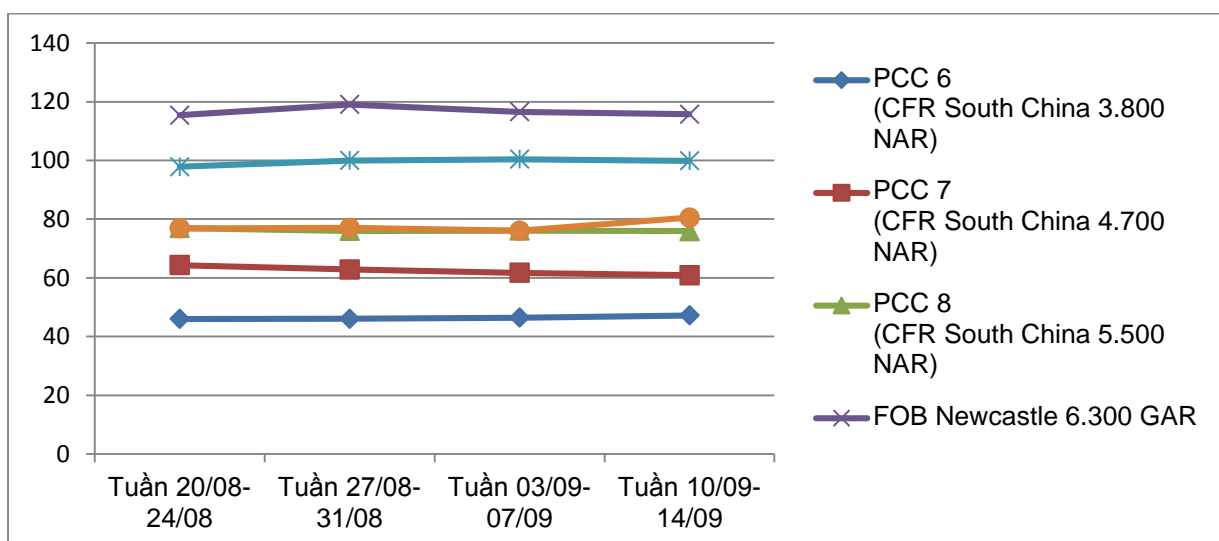
(Từ 10/09 – 14/09)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 20/08-24/08	Tuần 27/08-31/08	Tuần 03/09-07/09	Tuần 10/09-14/09
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	46,01	46,04	46,40	47,20
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	64,31	62,85	61,69	60,85
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	76,93	76,00	76,06	75,90
FOB Newcastle 6,300 GAR	115,39	119,03	116,55	115,72
CIF ARA 6,000 NAR	97,83	99,99	100,43	99,88
FOB Richards Bay 5,500 NAR	76,87	77,01	76,05	80,48
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	117,39	118,73	114,48	115,74



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 9 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 2 tháng 9	10/09	11/09	12/09	13/09	14/09
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	10,25	9,20	9,15	9,15	9,15
2	Queensland – Nhật Bản	11,85	10,50	10,45	10,45	10,45
3	New South Wales – Hàn Quốc	12,70	11,35	11,30	11,30	11,30
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	14,20	14,20	14,20	14,25	14,30
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	9,85	9,95	10,15	10,35	10,35
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	14,40	14,40	14,40	14,45	14,50
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	8,30	8,40	8,55	8,75	8,75
5	Úc - Trung Quốc	13,30	13,40	13,60	13,65	13,75
6	Úc - Ấn Độ	15,00	15,20	15,35	15,40	15,50

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Nhập khẩu than của Việt Nam tháng 8 đạt 1,52 triệu tấn; kim ngạch xuất khẩu tăng 124%

Trong tháng 8, Việt Nam đã nhập khẩu 1,52 triệu tấn than, tăng 7,4% so với tháng 8 năm ngoái, theo số liệu sơ bộ được công bố của Hải quan Việt Nam. Indonesia trở thành nhà cung cấp than lớn nhất cho Việt Nam trong tháng với 691.881 tấn, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm ngoái, tiếp theo là Úc và Nga. Trong tám tháng đầu năm 2018, Việt Nam đã nhập 13,38 triệu tấn than, tăng 41,7% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu là từ Indonesia, Úc và Nga. Trong khi đó, Việt Nam đã xuất khẩu 290.252 tấn than trong tháng 8, tăng 123,9% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến Nhật Bản, Indonesia và Thái Lan. Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 8, Việt Nam đã xuất khẩu 1,69 triệu tấn than, tăng 30,2% so với cùng kỳ năm 2017, phần lớn đến Nhật Bản và Hàn Quốc. Phần lớn sản lượng than khai thác được sử dụng trong nước phục vụ cho sản xuất điện, xi măng và các ngành công nghiệp khác.

Nhập khẩu than của Việt Nam trong tháng 8

	Tháng 8/2018	Tháng 8/2017	Thay đổi theo năm	Tháng 7/2018	Thay đổi theo tháng
Indonesia	691.881	494.687	39,86%	781.803	-11,5%
Úc	443.381	304.450	45,63%	357.360	24,07%
Nga	241.093	365.485	-34,03%	319.984	-24,65%
Trung Quốc	108.549	105.359	3,03%	37.693	187,98%
Malaysia	31.039	–	–	29.069	6,78%
Tổng	1.516.250	1.412.337	7,36%	1.692.735	-10,43%

Nhập khẩu than của Việt Nam trong tám tháng đầu năm

	Tháng 1 – 8/2018	Tháng 1 – 8/2017	Thay đổi theo năm
Indonesia	6.995.648	3.458.431	102,28%

Úc	3.224.639	2.730.058	18,12%
Nga	1.591.307	1.638.526	-2,88%
Trung Quốc	578.971	719.162	-19,49%
Malaysia	223.073	114.530	94,77%
Tổng	13.384.455	9.446.967	41,68%

Xuất khẩu than của Việt Nam trong tháng 8

	Tháng 8/2018	Tháng 8/2017	Thay đổi theo năm	Tháng 7/2018	Thay đổi theo tháng
Nhật Bản	139.009	102.893	35,1%	85.423	62,73%
Hàn Quốc	26.082	5.499	374,3%	60.278	-56,73%
Thái Lan	28.708	7.322	292,08%	28.857	-0,52%
Indonesia	29.468	1.650	1685,94%	26.393	11,65%
Lào	5.893	–	–	7.847	-24,9%
Tổng	290.252	129.655	123,86%	259.850	11,7%

Xuất khẩu than của Việt Nam trong tám tháng đầu năm

	Tháng 1 – 8/2018	Tháng 1 – 8/2017	Thay đổi theo năm
Nhật Bản	677.454	671.647	0,86%
Hàn Quốc	300.273	73.856	306,57%
Thái Lan	146.430	75.549	93,82%
Ấn Độ	83.690	40.092	108,74%
Malaysia	92.682	157.889	-41,3%
Indonesia	100.779	24.160	317,13%
Đài Loan	18.973	40.344	-52,97%
Thụy Sĩ	17.599	–	–
Lào	22.280	50.455	-55,84%
Tổng	1.694.645	1.301.587	30,2%

Nga cạnh tranh với Úc và Indonesia trên thị trường than Châu Á

Thị trường than Châu Á đang chứng kiến một cuộc cạnh tranh khi Nga tìm kiếm các khách hàng mua than mới, thách thức các nhà cung cấp truyền thống là Úc và Indonesia. Nga đã chuyển trọng tâm sang Châu Á, nơi nhu cầu mua than có khả năng tăng lên khi nhiều NMNĐ mới sắp đi vào hoạt động ở Ấn Độ và Đông Nam Á. Vào cuối tháng 8, Bộ trưởng Năng lượng Nga

Alexander Novak đã công bố mục tiêu đầy tham vọng về việc tăng gấp đôi lượng than xuất khẩu đến châu Á vào năm 2025 từ khoảng 100 triệu tấn năm 2018. Tổng thống Vladimir Putin cũng kêu gọi các công ty Nga đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng xuất khẩu như các cảng và đường sắt xuyên Siberi.

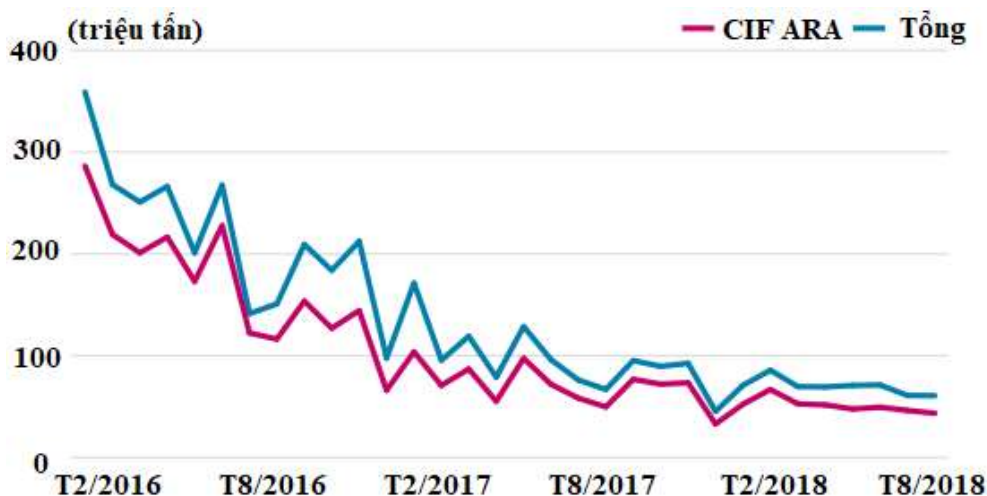
SUEK, công ty khai thác than lớn nhất của Nga, đang mở rộng cảng Vanino, vùng Viễn Đông của Nga. Cảng bắt đầu hoạt động thương mại trong năm 2009 và dự kiến sẽ xuất khẩu khoảng 20 triệu tấn than trong năm nay. SUEK cho biết đang dự định nâng công suất xuất khẩu hàng năm thêm 80% lên 40 triệu tấn. Công ty muốn đẩy mạnh xuất khẩu than cho Thái Lan, Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác, nơi nhu cầu dự kiến sẽ tăng mạnh cũng như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, các thị trường truyền thống ở Châu Á. Một đại diện của SUEK cho biết, nhiều nước nhập khẩu than trong khu vực sẽ có thể cắt giảm chi phí bằng cách mua than từ Nga do quãng đường vận chuyển ngắn hơn so với Úc.

Lượng than tiêu thụ tại Châu Âu đã giảm mạnh do lo ngại về môi trường, tuy nhiên các nước Châu Á không muốn từ bỏ loại nhiên liệu giá rẻ này. Theo số liệu từ Cơ quan Năng lượng Quốc tế, sản lượng than toàn cầu trong năm 2017 đã tăng 3% so với năm 2016 lên 7,55 tỷ tấn. Trong năm ngoái, lượng than tiêu thụ đã giảm ở các nước thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế nhưng tăng 0,4% ở Trung Quốc, nước sử dụng nhiều than nhất và 4,4% ở Ấn Độ, nước tiêu thụ lớn thứ hai. Xuất khẩu sang châu Âu giảm khiến Nga không có lựa chọn nào khác ngoài việc chuyển hướng sang Châu Á.

Khối lượng than nhiệt giao dịch phái sinh trong tháng 8 đạt 60,74 triệu tấn

Khối lượng than nhiệt giao dịch phái sinh trong tháng 8 đạt 60,74 triệu tấn, giảm nhẹ so với 60,98 triệu tấn của tháng 7 và giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước với 66,91 triệu tấn, trở thành tháng thấp nhất kể từ tháng 12 năm 2017, theo số liệu do Hiệp hội Môi giới Năng lượng London công bố hôm thứ 2. Lượng than giao dịch phái sinh trong tám tháng đầu năm đạt 559,52 triệu tấn, giảm 32,8% so với cùng kỳ năm trước là 832,85 triệu tấn. Khối lượng than giao dịch theo điều kiện CIF ARA chiếm 71,6% trong tổng khối lượng với 43,49 triệu tấn, giảm 6% so với tháng 7 và 13% so với tháng 8 năm trước, khối lượng tám tháng đầu năm đạt 410,5 triệu tấn, giảm 30,9% so với cùng kỳ năm 2017 và chiếm 73,4% tổng sản lượng than giao dịch phái sinh trong tám tháng đầu năm. Khối lượng than giao dịch phái sinh theo điều kiện FOB Newcastle trong tháng 8 đạt 11,17 triệu tấn, tăng 26% so với tháng 7 và tăng 7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó khối lượng than giao dịch theo điều kiện FOB Richards Bay đạt 6,08 triệu tấn trong tháng 8, tăng 3% so với tháng 7 nhưng giảm 9% so với cùng kỳ năm 2017.

Khối lượng than nhiệt giao dịch phái sinh



(Nguồn: Platts)